

Số: 447.../QĐ-DBV

Hà Nội, ngày 03 tháng 06 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy tắc bảo hiểm Thân tàu thủy nội địa

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

- Căn cứ Bộ Luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/06/2022 của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Giấy phép số 49/GD/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 23/04/2008 về việc thành lập Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không và Giấy phép điều chỉnh số 49/GPDC43/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 06/5/2025 cho phép đổi tên thành Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV;
- Xét đề nghị của Giám đốc Ban Tài sản Kỹ thuật - Hàng hải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này “Quy tắc bảo hiểm Thân tàu thủy nội địa” của Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 195/2019/QĐ-BHHK ngày 01/04/2019.

Điều 3. Các Ông/Bà Phó Tổng Giám đốc, các Ban, Chi nhánh, Đơn vị trực thuộc và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TGD (để b/c);
- Lưu VT, Ban TSKT-HH.

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC NGHIỆP VỤ



Tào Thị Thanh Hoa

QUY TẮC

BẢO HIỂM THÂN TÀU THUỶ NỘI ĐỊA

(Ban hành theo Quyết định số 447/QĐ-DBV ngày 02 tháng 06 năm 2025
của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV

CHƯƠNG I

ĐỐI TƯỢNG BẢO HIỂM

Điều 1: Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV (gọi tắt là DBV) nhận bảo hiểm thân tàu cho các loại phương tiện thủy có đăng ký, đăng kiểm theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam hoạt động trên đường thủy nội địa Việt Nam.

Đối tượng bảo hiểm bao gồm: vỏ tàu, máy tàu và các trang thiết bị hàng hải.

“Tàu” nói trong Quy tắc này bao gồm các loại phương tiện tự hành hoặc không tự hành dùng để chuyên chở hàng hóa, hành khách nguyên nhiên liệu hoặc dùng để lai dắt, cứu hộ, nghiên cứu biển hoặc cấu trúc nổi khác (có hoặc không có động cơ), hoạt động trên sông hồ và vùng biển Việt Nam (không bao gồm tàu quân sự và tàu đánh bắt hải sản).

Đường thủy nội địa trong Quy tắc này bao gồm các tuyến đường thủy có khả năng khai thác giao thông vận tải trên các sông, kênh, rạch, cửa sông, hồ, vịnh, ven bờ biển, đường ra đảo, đường nối các đảo thuộc nội thủy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

CHƯƠNG II

PHẠM VI BẢO HIỂM

Người được bảo hiểm có thể tham gia bảo hiểm thân tàu theo một trong hai điều kiện bảo hiểm A (Điều 2) hoặc điều kiện bảo hiểm B (Điều 3) dưới đây:

Điều 2: Điều kiện bảo hiểm A

Khi nhận bảo hiểm cho tàu theo điều kiện bảo hiểm này, DBV sẽ bồi thường cho Người được bảo hiểm đối với:

1. Tồn thất toàn bộ (thực tế hoặc ước tính) hay tổn thất bộ phận đối với thân tàu được bảo hiểm là hậu quả trực tiếp gây ra bởi những nguyên nhân sau:
 - a. Đâm va với tàu, máy bay, phương tiện vận chuyển trên bờ hoặc dưới nước.
 - b. Đắm, mắc cạn. Đâm va vào đá, vào vật thể cố định hoặc vật thể trôi, nổi dưới nước hoặc trên bờ (trừ bom mìn và thủy lôi).
 - c. Cháy, nổ ngay trên tàu hoặc cháy nổ ở nơi khác gây tổn thất cho tàu.
 - d. Vứt bỏ một phần tài sản khỏi tàu trong trường hợp cần thiết và hợp lý để cứu người và/ hoặc cứu tàu, tài sản trên tàu trong trường hợp nguy hiểm cấp thiết nhằm giảm thiểu hoặc ngăn ngừa tổn thất có thể xảy ra đối với thân tàu được bảo hiểm.
 - e. Mất tích.
 - f. Động đất, sụt lở, núi lửa phun.
 - g. Bão tố, sóng thần, gió lốc, mưa đá hay sét đánh.
 - h. Tai nạn xảy ra trong lúc xếp dỡ, di chuyển hàng hóa, nguyên nhiên vật liệu liên quan đến tàu được bảo hiểm hoặc khi tàu đang neo đậu, lên đà, sửa chữa ở xưởng.
 - i. Nổ nồi hơi, gãy trục cơ, trục khuỷu hoặc hư hỏng do ẩn tỳ trong các bộ phận của vỏ tàu, máy tàu gây ra với điều kiện kiểm tra, giám định bình thường không thể phát hiện được.
 - j. Sơ suất của thuyền trưởng, sỹ quan, thuyền viên, hoa tiêu hoặc của người sửa chữa với điều kiện những người đó không phải là Người được bảo hiểm hoặc có cổ phần đối với tàu được bảo hiểm.
2. Những chi phí cần thiết và hợp lý trong việc:
 - a. Hạn chế tổn thất, trợ giúp hay cứu hộ, chi phí trục vớt hoặc chi phí tố tụng đã được DBV đồng ý trước.
 - b. Kiểm tra, giám định hư hại, tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được DBV đồng ý trước.
 - c. Đóng góp chi phí tổn thất chung do phải hy sinh vứt bỏ tài sản, hàng hóa chuyên chở để cứu tàu thuyền.
 - d. Kiểm tra đáy tàu sau khi mắc cạn kể cả trong trường hợp không phát hiện được tổn thất.

Điều 3: Điều kiện bảo hiểm B

Khi nhận bảo hiểm cho tàu theo điều kiện bảo hiểm này, DBV sẽ bồi thường cho Người được bảo hiểm đối với:

✓



1. Tồn thất toàn bộ (thực tế hoặc ước tính) đối với thân tàu được bảo hiểm là hậu quả trực tiếp gây ra bởi những nguyên nhân sau:
 - a. Đâm va với tàu, thuyền, máy bay, phương tiện vận chuyển trên bờ hoặc dưới nước;
 - b. Đắm, mắc cạn, đâm va vào đá, vật thể ngầm hoặc nổi, vật thể trôi hoặc cố định, cầu, phà, đê, công trình đê, đập, kè, cầu cảng (trừ bom mìn và thủy lôi);
 - c. Cháy, nổ ngay trên tàu hoặc cháy nổ ở nơi khác gây tổn thất cho tàu;
 - d. Mất tích;
 - e. Động đất, sụt lở, núi lửa phun;
 - f. Bão tố, sóng thần, gió lốc, mưa đá hay sét đánh;
 - g. Tai nạn xảy ra trong lúc xếp dỡ, di chuyển hàng hóa, nguyên nhiên vật liệu liên quan đến tàu được bảo hiểm hoặc khi tàu đang neo đậu, lên đà, sửa chữa ở xưởng;
 - h. Sơ suất của thuyền trưởng, sỹ quan, thuyền viên, hoa tiêu hoặc của người sửa chữa với điều kiện những người đó không phải là Người được bảo hiểm hoặc có cổ phần đối với tàu được bảo hiểm.
2. Chi phí cứu hộ hoặc chi phí trực vớt là hậu quả trực tiếp do những nguyên nhân quy định tại khoản 1 Điều này gây ra nhằm hạn chế, ngăn ngừa tổn thất toàn bộ xảy ra đối với tàu được bảo hiểm.

Điều 4: Rủi ro ô nhiễm

DBV nhận bảo hiểm tổn thất đối với tàu được bảo hiểm gây ra từ hành động của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhằm phòng ngừa hoặc hạn chế nguy cơ hoặc rủi ro ô nhiễm với điều kiện:

1. Tổn thất của tàu thuộc trách nhiệm của DBV được quy định ở Điều 2 hay Điều 3 trên đây.
2. Hành động của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhằm phòng ngừa hoặc hạn chế nguy cơ hoặc rủi ro ô nhiễm không phải là do thiếu miễn cán hợp lý của Người được bảo hiểm, chủ tàu hay người quản lý tàu trong việc phòng ngừa hoặc hạn chế nguy cơ hoặc rủi ro ô nhiễm.

Thuyền trưởng, sỹ quan, thuyền viên hay hoa tiêu nếu sở hữu cổ phần của tàu cũng không coi là chủ tàu theo nghĩa của Điều 4 này.

Điều 5: Mở rộng phạm vi bảo hiểm

Ngoài phạm vi bảo hiểm quy định trên đây, DBV còn nhận trách nhiệm bồi thường tổn thất đối với tàu được bảo hiểm xảy ra trong trường hợp:



1. Cứu hộ, trợ giúp hoặc lai kéo tàu khác khi gặp nạn hoặc lai dắt theo tập quán. Những hư hỏng mất mát và tổn thất vật chất xảy ra trong trường hợp này chỉ thuộc trách nhiệm bảo hiểm đối với phần chi phí sửa chữa những hư hỏng mà Người được bảo hiểm không thu hồi được đầy đủ do phía được cứu giúp thực sự không đủ khả năng hoàn trả.
2. Tàu được bảo hiểm đâm va với tàu cùng chủ hoặc cùng thuộc quyền quản lý hoặc khi được những tàu cùng chủ cứu hộ. Người được bảo hiểm và DBV vẫn có mọi quyền theo bảo hiểm này giống như chiếc tàu đó hoàn toàn là của một chủ tàu không có quyền lợi liên quan đến tàu được bảo hiểm. Nhưng trong trường hợp đó trách nhiệm về đâm va hoặc số tiền phải trả cho dịch vụ đã cung ứng phải được DBV đồng ý hoặc theo phán quyết của Tòa án.

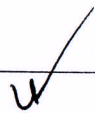
CHƯƠNG III

LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM BẢO HIỂM

Điều 6: Những rủi ro loại trừ trách nhiệm bảo hiểm.

DBV không chịu trách nhiệm bồi thường nếu tổn thất xảy ra có thể trực tiếp hoặc gián tiếp được quy hợp lý bởi những nguyên nhân sau:

1. Tàu không đủ khả năng hoạt động, không có giấy phép hoạt động hoặc hoạt động ngoài phạm vi quy định. Giấy chứng nhận đăng kiểm hoặc giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu bị đình chỉ, hết hạn. Tàu không được bố trí đầy đủ định biên theo quy định. ✓
2. Hành động cố ý của Người được bảo hiểm hoặc người thừa hành như: người đại lý, đại diện hoặc thuyền trưởng, sỹ quan và thuyền viên.
3. Vi phạm lệnh cấm do các cơ quan chức năng có thẩm quyền ban hành hoặc hoạt động kinh doanh trái phép.
4. Vi phạm nghiêm trọng luật lệ giao thông đường thủy bao gồm:
 - a. Thuyền viên trong khi làm nhiệm vụ chịu ảnh hưởng của rượu, bia, ma túy hoặc các chất kích thích tương tự khác.
 - b. Tàu đi vào tuyến, luồng cấm. Tàu hoạt động ngoài phạm vi quy định.
 - c. Tàu chở khách, chở hàng quá tải.
 - d. Tàu vận chuyển hàng hóa trái phép, chất nổ hoặc các chất nguy hiểm khác.
 - e. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.



5. Thuyền trưởng, máy trưởng, thuyền viên không có bằng hoặc chứng chỉ theo quy định (trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản giữa Người được bảo hiểm và DBV).
6. Do vỏ, máy móc hoặc trang thiết bị của tàu cũ kỹ hay bị hao mòn tự nhiên.
7. Tàu bị mắc cạn bởi ảnh hưởng của thủy triều hoặc con nước lên xuống trong lúc đang neo đậu.
8. Tàu neo đậu tại nơi không được phép neo đậu. Tàu neo đậu không được neo, buộc chắc chắn hoặc không có thuyền viên trực, trông tàu dù ban ngày hay ban đêm.
9. Trừ khi có thỏa thuận khác, DBV không chịu trách nhiệm bồi thường mọi hư hỏng, mất mát hay tổn thất hoặc những chi phí phát sinh do:
 - a. Rủi ro chiến tranh hoặc những rủi ro tương tự chiến tranh;
 - b. Bị cướp, bị bắt giữ tàu tại bất cứ nơi nào vì bất cứ lý do gì;
 - c. Tàu được trưng dụng hoặc sử dụng vào mục đích quân sự;
 - d. Hành động phá hoại hoặc khủng bố có tính chất chính trị;
 - e. Bất cứ vụ nổ của các loại vũ khí hoặc chất nổ nào;
 - f. Rủi ro hạt nhân, nguyên tử.
10. DBV không chịu trách nhiệm bồi thường mọi hư hỏng, mất mát và tổn thất liên quan đến tiền mặt, các loại giấy tờ có giá, kim loại quý, đá quý, đồ vật giá trị quý hiếm, tác phẩm nghệ thuật, bộ sưu tập hoặc các tài sản không cần thiết cho một chuyến đi thông thường của tàu trừ khi có thỏa thuận khác.

Điều 7: Những chi phí loại trừ trách nhiệm bảo hiểm

DBV không chịu trách nhiệm bồi thường đối với những chi phí có liên quan dưới đây, dù những chi phí đó do những rủi ro được bảo hiểm gây ra:

1. Chi phí liên quan đến sự chậm trễ hành trình của tàu được bảo hiểm, bao gồm cả tàu và hàng hóa bị giảm giá trị, bị mất thị trường hoặc thiệt hại liên quan đến sản xuất kinh doanh của tàu được bảo hiểm.
2. Mọi chi phí liên quan đến:
 - a. Cạo hà, gỡ rỉ, làm sạch bề mặt để sơn và sơn lườn hoặc đáy tàu (trừ chi phí làm sạch bề mặt và sơn phần vỏ thay thế thuộc trách nhiệm bảo hiểm).
 - b. Lương và các khoản phụ cấp lương hoặc trợ cấp của thuyền viên, trừ trường hợp tổn thất chung hoặc trường hợp nhằm mục đích duy nhất di chuyển tàu từ một cảng đến một cảng khác để sửa tổn hại theo yêu cầu của DBV và được DBV chấp nhận.

- c. Đưa tàu đến nơi sửa chữa.
 - d. Công tác phí, các chi phí liên quan của Người được bảo hiểm hoặc của người được Người được bảo hiểm uỷ quyền bỏ ra để thu thập hồ sơ khiếu nại hay giải quyết sự cố, trừ những chi phí đã được bảo hiểm theo khoản 2 Điều 2 và khoản 2 Điều 3 ở trên.
 - e. Tiền cước vận chuyển hoặc tiền cho thuê tàu.
- 3. Chi phí sửa chữa, thay thế bộ phận vỏ tàu, bộ phận máy móc, trục cơ hoặc nồi hơi bị tổn thất do khuyết tật ngầm gây ra.
 - 4. DBV không chịu trách nhiệm bồi thường mọi hư hỏng, mất mát và tổn thất liên quan đến tiền mặt, các loại giấy tờ có giá, kim loại quý, đá quý, đồ vật có giá trị quý hiếm hoặc các tài sản không cần thiết cho một chuyến đi thông thường của tàu.

CHƯƠNG IV

HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Điều 8: Yêu cầu và chấp nhận bảo hiểm

1. Yêu cầu bảo hiểm:

Khi yêu cầu bảo hiểm, Người yêu cầu bảo hiểm phải gửi cho DBV giấy yêu cầu bảo hiểm (theo mẫu của DBV) trước ngày hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực theo yêu cầu của Người được bảo hiểm. Đối với những tàu tham gia bảo hiểm lần đầu tiên hoặc gián đoạn thì kèm theo Giấy yêu cầu bảo hiểm, DBV có thể yêu cầu Người yêu cầu bảo hiểm cung cấp bản sao các tài liệu sau:

- a. Giấy chứng nhận đăng ký tàu.
- b. Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và các Giấy chứng nhận khả năng hoạt động khác của tàu do cơ quan Đăng kiểm cấp.
- c. Tài liệu chứng minh giá trị của tàu (nếu có).
- d. Biên bản kiểm tra tàu khi giao nhận tàu hoặc biên bản kiểm tra từng phần của Đăng kiểm, sổ Đăng kiểm.
- e. Báo cáo tình hình tổn thất của tàu xảy ra trước khi yêu cầu bảo hiểm và hợp đồng bảo hiểm cũ (nếu có).

2. Chấp nhận bảo hiểm:

- a. Nếu xét thấy cần thiết, DBV có quyền yêu cầu được kiểm tra tàu trước khi nhận bảo hiểm.

- b. Trên cơ sở Giấy yêu cầu bảo hiểm và các thông tin về tàu được bảo hiểm do Người yêu cầu bảo hiểm cung cấp, DBV sẽ xem xét để nhận bảo hiểm và cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm. Giấy yêu cầu bảo hiểm, Giấy chứng nhận bảo hiểm, các Giấy sửa đổi bổ sung đính kèm và chứng từ thanh toán phí bảo hiểm là các bộ phận cấu thành của Hợp đồng bảo hiểm. Ngày cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm được coi là ngày ký Hợp đồng bảo hiểm.
 - c. Nếu sau khi hợp đồng bảo hiểm đã được ký kết, tàu lại có thay đổi làm tăng thêm mức độ rủi ro và/hoặc trách nhiệm của DBV thì Người được bảo hiểm phải thông báo ngay cho DBV biết. DBV sẽ cấp giấy Sửa đổi bổ sung về những thay đổi đó và có thể thu thêm phí bảo hiểm nếu xét thấy sự thay đổi đó làm tăng thêm mức độ rủi ro và/hoặc trách nhiệm của DBV.
 - d. Trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận bảo hiểm, DBV có quyền yêu cầu được kiểm tra tình trạng chung của tàu. Nếu xét thấy không đảm bảo, DBV sẽ thông báo chấm dứt hiệu lực bảo hiểm và/hoặc giới hạn phạm vi bảo hiểm cho đến khi tàu được sửa chữa lại phù hợp với các quy phạm của Đăng kiểm.
5. Nếu Người được bảo hiểm khai báo sai hoặc không thông báo đầy đủ theo quy định của các mục 1 và 2 Điều 8 trên đây, DBV sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường tổn thất phát sinh từ những khiếm khuyết không được khai báo hoặc khai báo không đúng gây ra.

Điều 9: Phí bảo hiểm và thời hạn Thanh toán

1. Phí bảo hiểm:

- a. Phí bảo hiểm được tính trên cơ sở số tiền bảo hiểm và tỷ lệ phí bảo hiểm áp dụng cho tàu tham gia bảo hiểm theo các điều kiện bảo hiểm cụ thể.
- b. Người được bảo hiểm có trách nhiệm thanh toán phí bảo hiểm theo quy định cụ thể trong Hợp đồng bảo hiểm, trên Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc thông báo thu phí.

2. Thời hạn nộp phí bảo hiểm:

Thời hạn nộp phí bảo hiểm được quy định cụ thể trong Hợp đồng bảo hiểm, Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc thông báo thu phí.

Trường hợp Người được bảo hiểm chậm thanh toán, nếu không có thỏa thuận bằng văn bản, DBV sẽ :

- a. Chấm dứt hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 11 và/hoặc

- b. Trường hợp Người được bảo hiểm không nộp phí bảo hiểm theo đúng quy định, ngoài việc chấm dứt hiệu lực bảo hiểm, Người được bảo hiểm vẫn phải nộp số phí cho thời gian đã bảo hiểm dù tàu có bị tổn thất hay không.
3. Thanh toán phí bảo hiểm trong trường hợp tàu bị tổn thất.
- a. Người được bảo hiểm phải nộp toàn bộ số phí bảo hiểm cho DBV trong trường hợp tàu bị tổn thất toàn bộ thuộc trách nhiệm của DBV trong vòng 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày DBV nhận thông báo tổn thất toàn bộ của Người được bảo hiểm.
 - b. Trường hợp tổn thất toàn bộ thân tàu không thuộc trách nhiệm bảo hiểm của DBV, Người được bảo hiểm phải nộp phí bảo hiểm cho thời gian được bảo hiểm đến khi xảy ra tổn thất toàn bộ nhưng không dưới phí bảo hiểm tính cho 01 (một) tháng.
 - c. Trường hợp tổn thất bộ phận thân tàu, DBV có quyền đối trừ số phí bảo hiểm còn lại (nếu có) vào số tiền bồi thường.

Điều 10: Hoàn phí bảo hiểm

- 1. Trường hợp Người được bảo hiểm và DBV thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm thân tàu bằng văn bản, DBV sẽ hoàn lại 80% (tám mươi phần trăm) số phí bảo hiểm đã nộp cho thời gian bảo hiểm chưa đến hạn tính từ ngày Hợp đồng được chấp nhận chấm dứt. Việc hoàn phí sẽ được thực hiện sau khi chấm dứt Hợp đồng.
- 2. Trường hợp DBV chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm thân tàu trước thời hạn bằng văn bản, DBV sẽ hoàn lại 100% (một trăm phần trăm) số phí bảo hiểm (không bao gồm thuế) đã nộp cho thời gian chấm dứt tính từ ngày Hợp đồng được chấp nhận chấm dứt. Việc hoàn phí sẽ được thực hiện sau khi chấm dứt Hợp đồng.
- 3. Việc hoàn phí sẽ được thực hiện sau khi chấm dứt hợp đồng với điều kiện:
 - a. Không có tổn thất bảo hiểm được bồi thường nào trong suốt thời hạn bảo hiểm.
 - b. Người được bảo hiểm không có bất cứ khoản nợ phí bảo hiểm và/hoặc chi phí liên quan đến giải quyết khiếu nại và/ hoặc bất cứ khoản phí/ chi phí nào khác đối với DBV.
- 3. Trường hợp tàu ngừng hoạt động để sửa chữa định kỳ hoặc đỗ tại cảng hay địa điểm an toàn được DBV chấp nhận với thời gian 30 (ba mươi) ngày liên tục trở lên, DBV sẽ hoàn lại 50% (năm mươi phần trăm) số phí bảo hiểm đã nộp cho thời gian tàu ngừng hoạt động khi kết thúc năm bảo hiểm. Nếu tàu bị tổn thất toàn bộ thuộc trách nhiệm bảo hiểm, phí bảo hiểm cho thời gian tàu ngừng hoạt động sẽ không được hoàn lại.

Trong mọi trường hợp, DBV chỉ hoàn phí bảo hiểm cho phần phí bảo hiểm vượt quá phí bảo hiểm tính cho 01 (một) tháng.



Điều 11: Thời hạn bảo hiểm

1. Bảo hiểm theo thời hạn:
 - a. Trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản, thời hạn bảo hiểm được quy định cụ thể trên Giấy chứng nhận bảo hiểm, dài nhất không quá 12 (mười hai) tháng, ngắn nhất không dưới 03 (ba) tháng.
 - b. Hiệu lực bảo hiểm bắt đầu và kết thúc theo thời gian ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm, với điều kiện Người được bảo hiểm đã nộp phí bảo hiểm đầy đủ và đúng hạn theo quy định ở Điều 9 bên trên.
2. Bảo hiểm chuyển: Thời hạn bảo hiểm chuyển được tính kể từ lúc tàu tháo gỡ dây chằng cột hoặc nhổ neo tại cảng đi để bắt đầu chuyển đi và chấm dứt ngay sau khi thả neo hoặc được cột vào bờ ở cảng đến được ghi cụ thể trong Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc Giấy sửa đổi bổ sung (nếu có), nhưng trong mọi trường hợp không vượt quá 01 (một) tháng.
3. Gia hạn Hợp đồng bảo hiểm: Khi Giấy chứng nhận bảo hiểm hết hạn mà tàu còn đang trong chuyến hành trình hoặc đang gặp nguy hiểm hay ghé vào một nơi nào đó để lánh nạn thì tàu vẫn có thể được tiếp tục bảo hiểm cho đến khi về neo cột an toàn tại cảng đầu tiên, với điều kiện Người được bảo hiểm phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho DBV đề nghị gia hạn Hợp đồng và nộp thêm phí bảo hiểm theo yêu cầu của DBV. Việc gia hạn này sẽ không áp dụng đối với trường hợp Người được bảo hiểm thông báo cho DBV sau khi Giấy chứng nhận bảo hiểm đã hết hạn và tàu đã bị tổn thất.
4. Chấm dứt hiệu lực bảo hiểm và đơn phương chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm
 - a. Chấm dứt hiệu lực bảo hiểm

Trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản, hiệu lực bảo hiểm theo Quy tắc này sẽ tự động chấm dứt ngay sau khi phát sinh một trong những trường hợp sau đây:

 - Người yêu cầu bảo hiểm hoặc Người được bảo hiểm không nộp phí bảo hiểm đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Hợp đồng bảo hiểm hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm (trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản).
 - Thay đổi cơ quan Đăng kiểm của tàu mà không thông báo trước cho DBV biết bằng văn bản.
 - Tàu bị đình chỉ hoạt động.
 - Tàu được chuyển chủ (trừ khi chủ tàu đã thông báo cho DBV và được DBV chấp nhận bằng văn bản).



- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và các giấy tờ Đăng kiểm khác của tàu bị mất hiệu lực hay hết thời hạn.
- Riêng đối với những trường hợp các giấy tờ Đăng kiểm của tàu hết thời hạn trong lúc tàu còn đang trong chuyến hành trình thì việc chấm dứt hiệu lực bảo hiểm sẽ được hoãn lại cho đến khi tàu đến bến, cảng đầu tiên với điều kiện là hành trình của tàu kéo dài hợp lý và Người được bảo hiểm đã thông báo cho DBV biết trước bằng văn bản và được DBV chấp thuận.

b. Đơn phương chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm

Khi có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm dẫn đến tăng các rủi ro được bảo hiểm thì DBV sẽ thông báo cho khách hàng về việc tính lại phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm nhưng người được bảo hiểm không chấp nhận thì doanh nghiệp bảo hiểm có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bảo hiểm và thông báo ngay bằng văn bản cho người được bảo hiểm.

Nếu tàu còn đang trong chuyến hành trình vào thời điểm thông báo thì theo yêu cầu bằng văn bản của Người được bảo hiểm, việc hủy Hợp đồng bảo hiểm sẽ được hoãn lại cho đến khi tàu đến bến, cảng đầu tiên với điều kiện là hành trình của tàu bị kéo dài hợp lý. DBV sẽ hoàn lại số phí bảo hiểm đã nộp cho thời gian bảo hiểm chưa đến hạn tính từ ngày Hợp đồng bảo hiểm bị chấm dứt.

c. Chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm theo thỏa thuận giữa hai bên

Hợp đồng bảo hiểm có thể được chấm dứt trước thời hạn khi có thỏa thuận chấm dứt bằng văn bản giữa Người được bảo hiểm và DBV.

CHƯƠNG V

BẢO HIỂM TRÊN GIÁ TRỊ VÀ DƯỚI GIÁ TRỊ

Điều 12: Giới hạn trách nhiệm

Số tiền bảo hiểm ghi trong Hợp đồng bảo hiểm, trên Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc Giấy sửa đổi bổ sung (nếu có) là giới hạn trách nhiệm cao nhất mà DBV chịu trách nhiệm bồi thường đối với mỗi vụ tổn thất.

Điều 13: Bảo hiểm trên giá trị

Nếu số tiền bảo hiểm vượt quá giá trị thực tế của tàu tại thời điểm xảy ra tổn thất, DBV chỉ chịu trách nhiệm bồi thường không vượt quá giá trị thực tế của tàu tại thời điểm đó.

Điều 14: Bảo hiểm dưới giá trị



Nếu số tiền bảo hiểm thấp hơn giá trị thực tế của tàu tại thời điểm giao kết Hợp đồng, DBV sẽ:

1. Bồi thường tổn thất toàn bộ thân tàu theo số tiền bảo hiểm.
2. Bồi thường tổn thất bộ phận thân tàu và những chi phí theo khoản 2 Điều 2 và khoản 2 Điều 3 theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm với giá trị thực tế của tàu.

CHƯƠNG VI

NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM

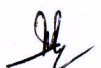
Điều 15: Nghĩa vụ cung cấp thông tin

1. Người yêu cầu bảo hiểm hoặc Người được bảo hiểm phải thông báo chính xác, đầy đủ mọi thông tin liên quan đến tàu được bảo hiểm vào thời điểm ký kết Hợp đồng để DBV có thể đánh giá mức độ rủi ro mà DBV chấp nhận bảo hiểm.
2. Nếu sau khi Hợp đồng bảo hiểm được ký kết, các thông tin liên quan đến tàu được bảo hiểm được cung cấp cho DBV khi ký kết Hợp đồng bảo hiểm lại có sự thay đổi, Người yêu cầu bảo hiểm hoặc Người được bảo hiểm phải thông báo ngay cho DBV biết, đặc biệt là những thay đổi liên quan đến tình trạng tàu được bảo hiểm: thay đổi kết cấu tàu, thay máy tàu ...
3. DBV có thể cấp Giấy sửa đổi bổ sung về những sự thay đổi đó và thu thêm phí bảo hiểm nếu xét thấy những sự thay đổi đó làm tăng thêm rủi ro và trách nhiệm bảo hiểm của DBV hoặc chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm và/hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 11.
4. Nếu Người được bảo hiểm vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin quy định tại điều này, DBV không chịu trách nhiệm bồi thường những tổn thất phát sinh hoặc bị làm trầm trọng thêm do những thay đổi liên quan đến tàu được bảo hiểm không được thông báo hoặc thông báo không đúng hoặc không đầy đủ gây ra.

Điều 16: Tình trạng tàu và điều hành tàu

Người được bảo hiểm và người thừa hành như người đại lý, đại diện hoặc thuyền trưởng, sỹ quan và thuyền viên phải tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật điều chỉnh hoạt động giao thông thủy nội địa bao gồm:

1. Tàu phải được đóng mới, hoán cải, trang bị thiết bị, bảo quản, khai thác theo đúng quy phạm kỹ thuật của Đăng kiểm đối với tàu hoạt động trong vùng nước liên quan.
2. Thuyền viên trên tàu phải đủ số lượng, có bằng cấp và chứng chỉ chuyên môn theo quy định của pháp luật có liên quan.



3. Khi neo đậu, tàu phải được neo, buộc chắc chắn và phải có thuyền viên trực, trông tàu đủ ban ngày hay ban đêm để đảm bảo có hành động can thiệp ngay lập tức khi có tình huống nguy hiểm.
4. Người được bảo hiểm và người thừa hành phải hỗ trợ DBV hoặc người được DBV ủy quyền kiểm tra tình trạng tàu khi được DBV yêu cầu.
5. Nếu Người được bảo hiểm không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định tại điều này, DBV có quyền từ chối bồi thường

Điều 17: Đề phòng và hạn chế tổn thất

1. Người được bảo hiểm phải thực hiện mọi biện pháp có thể để ngăn chặn tàu được bảo hiểm gặp phải sự kiện bảo hiểm hoặc hạn chế hậu quả có thể xảy ra.
2. Khi xảy ra tổn thất có liên quan đến trách nhiệm của DBV, Người được bảo hiểm phải áp dụng mọi biện pháp cần thiết nhằm bảo vệ, cứu hộ tàu được bảo hiểm, hạn chế tổn thất xảy ra.
3. DBV có thể cùng tham gia hoặc thay thế Người được bảo hiểm thực hiện các biện pháp đề phòng và hạn chế tổn thất này mà không phải là sự chấp nhận bồi thường và không làm phương hại quyền và nghĩa vụ mỗi bên.
4. Nếu Người được bảo hiểm không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định tại điều này, DBV có quyền giảm trừ bồi thường một phần hoặc toàn bộ số tiền bồi thường.

Điều 18: Thông báo tổn thất

Khi xảy ra tai nạn, Người được bảo hiểm phải:

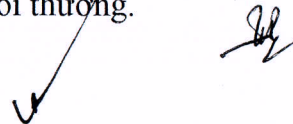
1. Thông báo ngay cho cơ quan chức năng như cảng vụ, biên phòng, công an hoặc chính quyền địa phương gần nhất để lập biên bản theo quy định.
2. Thông báo ngay cho DBV bằng văn bản chậm nhất không quá 03 (ba) ngày kể từ ngày xảy ra tai nạn hoặc từ ngày tàu về đến bến, cảng đầu tiên.
3. Nếu Người được bảo hiểm không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định tại điều này, DBV có quyền giảm trừ bồi thường một phần hoặc toàn bộ số tiền bồi thường.

Điều 19: Bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi bồi hoàn

1. Bảo lưu quyền khiếu nại: Trường hợp tàu được bảo hiểm bị tổn thất có liên quan đến trách nhiệm của người thứ ba, Người được bảo hiểm phải thực hiện đầy đủ những nguyên tắc, thủ tục và quy định pháp luật để bảo lưu quyền khiếu nại đối với Người thứ ba. Trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ kể từ khi tàu bị tai nạn hoặc khi tàu về đến bến hoặc cảng đầu tiên, Người được bảo hiểm phải báo ngay cho DBV nơi gần nhất biết.

2. Chuyển quyền đòi bồi hoàn: Khi DBV chấp nhận bồi thường những tổn thất do người thứ ba gây ra, Người được bảo hiểm phải làm văn bản chuyển quyền đòi bồi hoàn người thứ ba cho DBV, cung cấp tất cả những giấy tờ cần thiết có liên quan và phối hợp cùng DBV đòi bồi hoàn từ Người thứ ba này.

Nếu Người được bảo hiểm vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Chương VI này, DBV có quyền giảm trừ bồi thường một phần hoặc toàn bộ số tiền bồi thường.



CHƯƠNG VII

GIÁM ĐỊNH VÀ BỒI THƯỜNG TỔN THẤT

Điều 20: Giám định tổn thất

1. Khi nhận được thông báo về tổn thất của Người được bảo hiểm hoặc người đại diện của họ, DBV sẽ chỉ định Người giám định tiến hành giám định để xác định nguyên nhân, mức độ hư hỏng và tổn thất. Người được bảo hiểm phải thu xếp và tạo điều kiện tốt nhất để Người giám định tiến hành giám định tổn thất và giải quyết tai nạn ngay khi có thể. Việc giám định phải được thực hiện trước khi tiến hành sửa chữa các tổn thất của tàu, trừ khi có sự chỉ thị khác bằng văn bản của DBV. Trong quá trình giám định và giải quyết tai nạn, Người giám định có thể yêu cầu sự chứng kiến của thuyền trưởng, đại diện chủ tàu và những nhân chứng có liên quan.
2. Trong trường hợp Người được bảo hiểm không tuân thủ quy định nêu trên, DBV có quyền giảm trừ bồi thường một phần hoặc toàn bộ số tiền bồi thường hoặc áp dụng chế tài tối thiểu 30% số tiền bồi thường, trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản.

Điều 21: Phương án sửa chữa tàu và giá cả sửa chữa

1. Người được bảo hiểm phải thông báo cho DBV biết trước mọi dự kiến về phương án sửa chữa, nơi sửa chữa và giá sửa chữa các tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm.
2. DBV có quyền:
 - a. Tham gia ý kiến và quyết định về phương án sửa chữa, nơi sửa chữa (chi phí phát sinh thêm thực sự về hành trình để đáp ứng yêu cầu của DBV được hoàn lại cho Người được bảo hiểm), giá cả sửa chữa.
 - b. Yêu cầu mở cuộc đấu thầu hoặc mở thêm cuộc đấu thầu để sửa chữa tàu.
 - c. Giám sát quá trình sửa chữa tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm.
 - d. Nếu Người được bảo hiểm vi phạm quy định của Điều này, DBV có quyền trừ đến 15% (mười lăm phần trăm) số tiền được nhận bồi thường mà không ảnh hưởng đến các khoản khấu trừ hoặc chế tài khác quy định trong Hợp đồng.

Điều 22: Tổn thất toàn bộ thân tàu

1. Tổn thất toàn bộ thân tàu nói trong Quy tắc này bao gồm cả tổn thất toàn bộ thực tế và tổn thất toàn bộ ước tính:



- a. Tàu bị phá hủy hoặc bị hư hại hoàn toàn không thể phục hồi được cũng như tàu bị mất tích nếu như đã quá thời gian 03 (ba) tháng không nhận được tin tức gì về tàu đó đều được coi là tổn thất toàn bộ thực tế.
 - b. Tàu bị hư hỏng mà xét thấy không thể tránh khỏi tổn thất toàn bộ hoặc chi phí khắc phục sẽ vượt quá giá trị thực tế thì được xác định là tổn thất toàn bộ ước tính. Trường hợp này Người được bảo hiểm phải gửi giấy thông báo từ bỏ tàu cho DBV. Nếu thấy cần thiết DBV cũng có thể yêu cầu Người được bảo hiểm cung cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu.
 - c. Chỉ riêng đối với tàu được bảo hiểm theo điều kiện bảo hiểm A, nếu việc từ bỏ không được chấp nhận, DBV sẽ giải quyết bồi thường phần tổn thất bộ phận thuộc trách nhiệm bảo hiểm.
2. Khi bồi thường tổn thất toàn bộ thân tàu, DBV được quyền sở hữu, thu hồi và xử lý xác tàu hoặc không nhận quyền và nghĩa vụ đối với xác tàu theo quy định của pháp luật.

Điều 23: Tổn thất bộ phận thân tàu

1. Trong mọi trường hợp trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản, DBV chỉ bồi thường chi phí sửa chữa, thay thế hợp lý và cần thiết theo các tiêu chuẩn chuyên môn để phục hồi tàu được bảo hiểm trở lại tình trạng đủ khả năng hoạt động theo yêu cầu của Đăng kiểm. Đối với các bộ phận thay thế, DBV có quyền sở hữu, thu hồi bộ phận đó sau khi bồi thường.
2. Số tiền bồi thường khi thay thế mới bất kỳ bộ phận hư hỏng nào sẽ được tính bằng chi phí thực tế hợp lý để thay thế bộ phận hư hỏng riêng biệt, độc lập với các bộ phận hư hỏng khác (nếu có) trừ đi số tiền khấu hao. Số tiền khấu hao được tính bằng cách nhân chi phí thực tế để thay thế bộ phận hư hỏng nêu ở trên với tỷ lệ khấu hao 5%/năm và được tính từ năm thứ 5 trở đi tính từ năm đóng (đối với vỏ tàu) hoặc năm sản xuất (đối với máy móc và trang thiết bị hàng hải) với điều kiện tổng tỷ lệ khấu hao không vượt quá 50%. Trường hợp bộ phận bị hư hỏng đã được thay mới trước đó thì việc khấu hao sẽ được tính từ ngày thay mới bộ phận hư hỏng đó với điều kiện Người được bảo hiểm phải có bằng chứng về việc thay mới bộ phận hư hỏng đó. Trường hợp không có căn cứ xác định được năm sản xuất của máy móc hoặc trang thiết bị hàng hải thì tỷ lệ khấu hao sẽ được tính là 50%.
3. Trong mọi trường hợp, nếu tàu bị tổn thất bộ phận chưa được sửa chữa mà tiếp đó lại xảy ra tổn thất toàn bộ trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm còn hiệu lực thì DBV chỉ giải quyết bồi thường tổn thất toàn bộ.

Điều 24: Mức khấu trừ

1. Nếu một vụ tổn thất được chấp nhận bồi thường thì DBV sẽ khấu trừ vào số tiền bồi thường mức khấu trừ quy định tại Hợp đồng bảo hiểm và/hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp tổn thất toàn bộ.
2. DBV không bồi thường những tổn thất dưới mức khấu trừ quy định trong Hợp đồng bảo hiểm và/hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm.
3. Trường hợp xảy ra tổn thất đối với máy móc, trang thiết bị của tàu mà nguyên nhân gây ra được quy một phần hoặc toàn bộ do sơ suất của thuyền trưởng, sỹ quan, thủy thủ thì ngoài mức khấu trừ ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm, DBV sẽ khấu trừ thêm 10% (mười phần trăm) số tiền được chấp nhận bồi thường. Quy định này không áp dụng đối với tổn thất toàn bộ, trừ khi có thỏa thuận khác.

Điều 25: Hồ sơ khiếu nại bồi thường

Khi yêu cầu DBV bồi thường, Người được bảo hiểm phải cung cấp cho DBV những chứng từ sau:

1. Thư khiếu nại bồi thường của Người được bảo hiểm.
2. Hợp đồng bảo hiểm và/hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm.
3. Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.
4. Giấy tờ đăng kiểm của tàu.
5. Bảng thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên (tùy theo từng vụ việc cụ thể).
6. Báo cáo tai nạn hoặc tổn thất và/hoặc kháng nghị hàng hải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nơi xảy ra tai nạn hoặc bến, cảng đến đầu tiên (nếu tai nạn xảy ra khi tàu đang hành trình).
7. Biên bản giám định của DBV hoặc của Người giám định do DBV chỉ định.
8. Giấy chứng nhận xóa tên đăng ký phương tiện của cơ quan có thẩm quyền (trường hợp tàu bị mất tích hoặc chìm, đắm không thể trục vớt).
9. Biên bản tai nạn do chính quyền địa phương, cơ quan quản lý giao thông đường thủy hoặc công an lập theo các quy định nhà nước về giao thông đường thủy nội địa.
10. Hóa đơn, chứng từ liên quan đến những chi phí đòi bồi thường.
11. Thư khiếu nại và toàn bộ tài liệu, chứng từ liên quan đến Người thứ ba (nếu có).
12. Những chứng từ có liên quan khác (trích sao sổ hành trình, nhật ký máy, nhật ký thời tiết hay các giấy tờ khác của tàu ... tùy theo từng vụ việc cụ thể).



Sau khi DBV nhận được đầy đủ hồ sơ khiếu nại nói trên của Người được bảo hiểm, nếu trong vòng 30 (ba mươi) ngày mà không có yêu cầu gì thêm thì hồ sơ khiếu nại đó được coi là đầy đủ và hợp lệ.

Điều 26: Thời hạn thanh toán bồi thường

1. Đối với những khiếu nại thuộc trách nhiệm bảo hiểm, DBV sẽ trả lời việc bồi thường trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ khiếu nại hợp lệ của Người được bảo hiểm.
2. Trường hợp DBV có văn bản từ chối một phần hoặc toàn bộ số tiền khiếu nại thì trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Người được bảo hiểm nhận được văn bản từ chối căn cứ theo chứng từ của bưu điện/ chuyển phát nhanh hay xác nhận của DBV, nếu Người được bảo hiểm không có ý kiến gì thì coi như đã chấp nhận sự từ chối bồi thường của DBV.
3. Trường hợp Người được bảo hiểm không chấp nhận việc DBV từ chối bồi thường đối với một phần của số tiền mà Người được bảo hiểm đã khiếu nại thì DBV sẽ bồi thường trước số tiền khiếu nại đã được hai bên chấp nhận, số tiền còn lại sẽ được tiếp tục xem xét giải quyết khi Người được bảo hiểm có văn bản, chứng từ chứng minh thêm hoặc thỏa thuận với DBV về số tiền bồi thường.

CHƯƠNG VIII

THỜI HẠN YÊU CẦU BỒI THƯỜNG VÀ THỜI HIỆU KHỞI KIỆN

Điều 27: Thời hạn nộp hồ sơ yêu cầu bồi thường, trả tiền bảo hiểm

Thời hạn nộp hồ sơ yêu cầu bồi thường, trả tiền bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm là 01 năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm. Thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan không tính vào thời hạn nộp hồ sơ yêu cầu bồi thường, trả tiền bảo hiểm.

Điều 28: Thời hiệu khởi kiện

Thời hiệu khởi kiện liên quan đến hợp đồng bảo hiểm hàng hải là 02 năm kể từ ngày phát sinh tranh chấp.

Điều 29: Thẩm quyền giải quyết tranh chấp

Trừ khi có thỏa thuận khác, mọi tranh chấp có liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm và/hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm giữa Người được bảo hiểm và DBV, nếu không giải quyết được bằng thương lượng sẽ đưa ra toà án nơi Người bảo hiểm đặt trụ sở để giải quyết./.

